

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC TẬP THẠC SĨ, HỌC KÌ XUÂN, NĂM HỌC 2025-2026

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
1	3114322002	Lê Võ Trung	Kiên	27-4-1998	K45.ĐS-LTS	Đại số và lí thuyết số	Toán - Tin
2	3114322003	Phạm Lê Khánh	Linh	30-10-1997	K45.ĐS-LTS	Đại số và lí thuyết số	Toán - Tin
3	3114324001	Lê Hoàng	Long	31-5-2002	50ULTS	Đại số và lí thuyết số	Toán - Tin
4	3114124001	Tô Hữu	Cường	25-3-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
5	3114124002	Đinh Thùy	Dung	19-4-1997	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
6	3114124003	Phạm Thị Phương	Dung	20-4-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
7	3114124004	Nguyễn Hữu Minh	Hoàng	19-7-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
8	3114124005	Hồ Tăng	Hoàng	26-6-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
9	3114124006	Lê Thị	Hoàng	22-5-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
10	3114124007	Huỳnh Thị Ánh	Hồng	29-12-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
11	3114124009	Lê Thị Xuân	Hương	11-3-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
12	3114124010	Lê Đình	Huy	14-6-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
13	3114124011	Phùng Quang	Huy	26-5-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
14	3114124013	Nguyễn Minh	Huyền	19-5-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
15	3114124014	Nguyễn Thị Bích	Huyền	19-7-1997	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
16	3114124015	Ngô Thị Thanh	Huyền	11-1-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
17	3114124016	Lê Thị Ngọc	Loan	6-6-1983	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
18	3114124017	Nguyễn Thị Mai	Loan	9-10-1997	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
19	3114124018	Phan Thị Diệu	My	1-9-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
20	3114124020	Trần Võ Minh	Ngọc	7-3-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
21	3114124021	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	20-9-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
22	3114124022	Huỳnh Phúc	Nhân	1-9-1991	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
23	3114124024	Lê Thanh Quỳnh	Như	31-8-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
24	3114124025	Mai Thị Bích	Như	27-9-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
25	3114124027	Lê Thị	Phước	4-2-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
26	3114124028	Huỳnh Thị Anh	Phương	18-4-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
27	3114124029	Nguyễn Minh	Quyên	1-11-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
28	3114124030	Lê Minh	Tâm	12-3-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
29	3114124031	Dương Tâm	Thảo	15-12-1998	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
30	3114124032	Trần Thị Phương	Thảo	1-2-1996	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
31	3114124033	Hồ Thị Huỳnh	Thư	1-9-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
32	3114124034	Phạm Huỳnh Thanh	Thúy	25-11-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
33	3114124035	Trần Thị Hàn	Thuyên	28-10-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
34	3114124036	Dương Quỳnh	Tiên	27-12-1999	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
35	3114124037	Võ Văn	Tiến	24-5-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
36	3114124038	Nguyễn Nhật	Toàn	2-7-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
37	3114124039	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	17-4-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
38	3114124040	Ngô Thị Thu	Trang	25-4-1986	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
39	3114124041	Trần Huyền	Trang	23-10-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
40	3114124042	Đỗ Thị Mai	Trinh	2-1-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
41	3114124043	Trần Ngọc	Tuấn	24-10-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
42	3114124044	Bùi Thị Thanh	Tuyền	22-9-2001	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
43	3114124045	Phạm Xuân Ái	Vy	27-11-2002	K49.PPTSC	Phương pháp toán sơ cấp	Toán - Tin
44	3114224002	Võ Quang	Duy	23-5-2002	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
45	3114224004	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	20-10-1992	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
46	3114224010	Châu Vinh	Khánh	30-3-2002	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
47	3114224011	Đặng Thị Mỹ	Lợi	3-1-2002	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
48	3114224013	Phan Nguyễn Thị Ly	Na	11-9-1991	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
49	3114224014	Nguyễn Minh	Ngọc	9-2-1999	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
50	3114224015	Phan Văn	Nhật	9-6-2002	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
51	3114224018	Đỗ Đăng	Thịnh	1-1-1997	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
52	3114224021	Lê Thị Phương	Uyên	14-3-2002	K49.TGT.01	Toán giải tích	Toán - Tin
53	3114224003	Vì Thế	Hận	24-1-1988	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
54	3114224005	Nguyễn Thị Thu	Hiền	8-1-1984	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
55	3114224006	Lương Thiện Thảo	Hiếu	23-7-1997	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
56	3114224007	Nguyễn Thị	Hòa	9-6-1997	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
57	3114224008	Nguyễn Hữu	Hoàn	25-11-1976	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
58	3114224009	Vũ Thị	Hương	21-6-1988	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
59	3114224012	Nguyễn Văn	Mến	1-1-1989	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
60	3114224017	Nguyễn Văn	Thành	2-5-1989	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
61	3114224019	Bùi Thị Tuyết	Trinh	20-1-1984	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
62	3114224020	Võ Thanh	Tùng	15-5-1990	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
63	3114224022	Hoàng Thị Hồng	Vân	22-8-1998	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
64	3114224023	Lê Thị Hồng	Yến	28-10-1988	K49.TGT.02	Toán giải tích	Toán - Tin
65	3204223092	Ngô Thị	Bông	11-5-1989	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
66	3204223093	Kongmanivong	Bounyong	26-6-1983	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
67	3204223094	Khoonboudpounminur	Daosadeth	13-12-1983	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
68	3204223095	Trần Lê	Duy	10-9-1983	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
69	3204223097	Nguyễn Thị Hoàng	Hạt	12-5-1993	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
70	3204223099	Nguyễn Thị Thu	Hòa	16-1-2001	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
71	3204223102	Phùng Thị	Loan	12-3-1988	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
72	3204223103	Đoàn Nguyễn Trà	My	30-9-1997	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
73	3204223105	Mai Thị Ni	Na	14-1-1997	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
74	3204223108	Trần Nguyễn Tuyết	Ngân	3-11-1996	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
75	3204223109	Trần Thị	Ngân	16-6-1986	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
76	3204223110	Ngô Thị	Nghĩa	1-1-1980	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
77	3204223112	Mai Thị Ni	Ni	14-1-1997	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
78	3204223113	Phiewkhamphanh	Phoudthasone	7-12-1995	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
79	3204223114	Vongsa	Phoumsavanh	9-3-1988	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
80	3204223115	Lê Vũ Hằng	Phuong	22-2-1999	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
81	3204223117	Nguyễn Tam	Quang	25-5-2001	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
82	3204223120	Douangchantha	Sisamay	24-11-1980	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
83	3204223121	Đinh Văn	Sít	25-2-1986	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
84	3204223122	Khanthachak	Soulivong	3-6-1990	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
85	3204223123	Douanthavichine	Souvanam	11-10-1998	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
86	3204223126	Hồ Thị	Thủy	1-6-1977	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
87	3204223130	Bùi Thị Thu	Trang	8-11-1996	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
88	3204223131	Thammakod	Vanpheng	6-6-1992	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
89	3204223132	Trịnh Thị Tường	Vi	6-10-1994	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
90	3204223133	Viengdavong	Vilaythong	3-12-1986	K48.QLGD.01	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
91	3204223091	Phạm Thị	Bảo Lộc	17-09-1991	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
92	3204223096	Nguyễn Thi	Hằng	25-3-1990	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
93	3204223098	Bùi Thị Thu	Hậu	28-3-1983	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
94	3204223100	Đỗ Thị	Hoa	23-2-1993	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
95	3204223101	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	2-6-1985	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
96	3204223104	Trần Thị	Mỹ	16-1-1981	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
97	3204223106	Mai Thị	Nga	3-10-1982	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
98	3204223107	Nguyễn Thị Hồng	Nga	6-6-1990	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
99	3204223111	Vũ Văn	Nhượng	20-6-1981	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
100	3204223116	Đỗ Uyên	Phương	6-1-1984	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
101	3204223118	Nguyễn Đức	Quang	28-9-1970	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
102	3204223119	Đào Thị Như	Quỳnh	18-8-1988	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
103	3204223125	Nguyễn Thu	Sương	16-7-1988	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
104	3204223127	Đặng Thị Hồng	Thủy	6-7-1990	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
105	3204223128	Nguyễn Minh	Tiến	10-3-2000	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
106	3204223129	Lưu Huỳnh Thanh	Trà	20-2-1990	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
107	3204223134	Phạm Đức	Vũ	31-8-1995	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
108	3204223135	Phạm Thị Thùy	Yên	6-9-1988	K48.QLGD.02	Quản lý giáo dục	TL-GD-CTXH
109	3204324005	Lê Thị Ngọc	Châu	4-6-1995	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
110	3204324007	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	22-10-1990	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
111	3204324013	Lê Tuyết	Giang	20-8-1990	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
112	3204324021	Trần Ngọc	Hương	10-10-1982	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH

STT	Mã học viên	Họ lót học viên	Tên học viên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Khoa
113	3204324024	Võ Hồng	Kính	22-10-1997	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
114	3204324025	Đào Thị Thanh	Lân	10-2-1990	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
115	3204324030	Lê Thị Bích	Ly	8-9-1969	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
116	3204324032	Trần Quang	Minh	8-9-1987	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
117	3204324041	Lê Tuyết	Nhung	8-8-1992	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
118	3204324048	Nguyễn Thị Mai	Sương	19-5-1986	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
119	3204324049	Trần Thị Thanh	Tâm	7-5-1999	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
120	3204324055	Huỳnh Nhã	Thanh	31-8-1995	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
121	3204324071	Nguyễn Minh	Trung	3-12-1992	K49.TLH.03	Tâm lý học	TL-GD-CTXH
122	3194124001	Nguyễn Trần Thúy	Anh	7-11-2001	K49.PPDHBM-ĐL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
123	3194124002	Trần Thị Ngọc	Ánh	27-11-2001	K49.PPDHBM-ĐL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
124	3194124003	Nguyễn	Chiến	26-8-1992	K49.PPDHBM-ĐL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
125	3194124004	Trương Thị	Hường	5-12-2000	K49.PPDHBM-ĐL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
126	3194124005	Nguyễn Văn	Lục	9-5-1991	K49.PPDHBM-ĐL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
127	3194124006	Nguyễn Văn	Minh	9-10-2001	50UDHDL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị
128	3194124007	KEO ONLA	VILAVONG	2-9-1986	50UDHDL	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Địa lý)	Sử - Địa - Chính trị

Ấn định danh sách có 128 học viên./.